

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày 09-3-2021
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng;
2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 454/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Diễm K, sinh năm 1972;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 01, ấp S, xã V, huyện B, tỉnh Tây Ninh; cư trú tại: Tổ 11, ấp C, xã V, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn B, sinh năm 1969;

Cư trú tại: Tổ 11, ấp C, xã V, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 10 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Diễm K trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Diễm K và anh Lê Văn B tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1991 nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, đến năm 2015 chị và anh B phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do chị và anh B không hợp nhau về tính cách, dẫn đến vợ chồng cự cãi

với nhau thường xuyên. Chị đã sống ly thân với anh B từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay. Chị K yêu cầu được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị Lê Diễm K và anh Lê Văn B có ba con chung tên Lê Hoài T, sinh năm 1991, Lê Thị Thanh H, sinh năm 1992, Lê Thanh H, sinh năm 1996, hiện nay Lê Thị Thanh H, Lê Thanh H đã thành niên tự lao động nuôi sống được bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn Lê Hoài T mặc dù đã thành niên, nhưng bị khuyết tật nặng, không tự lao động nuôi sống được bản thân, hiện nay anh B đang nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị đồng giao Lê Hoài T cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục, chị không cấp dưỡng nuôi Lê Hoài T.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Diễm K không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 18 tháng 01 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn B trình bày:

Anh Lê Văn B thống nhất lời trình bày của chị Lê Diễm K về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về hôn nhân anh đồng ý ly hôn với chị Lê Diễm K, về con chung anh B yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng Lê Hoài Thanh, anh không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi Lê Hoài T. Anh B không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Lê Diễm K, bị đơn anh Lê Văn B vắng mặt;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý, quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Diễm K và anh Lê Văn B là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Lê Hoài T, sinh năm 1991 cho anh Lê Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, ghi nhận B không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Diễm K và anh Lê Văn B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Diễm K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

+ Về kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Chị Lê Diễm K và anh Lê Văn B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị K và anh B.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Diễm K và anh Lê Văn B chung sống như vợ chồng từ năm 1991 đến nay có đủ điều kiện thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nhưng chị K và anh B không thực hiện là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị K yêu cầu ly hôn anh B, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận chị K và anh B là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Lê Diễm K và anh Lê Văn B thống nhất có ba con chung tên Lê Hoài T, sinh năm 1991, Lê Thị Thanh H, sinh năm 1992, Lê Thanh H, sinh năm 1996. Hiện nay các Lê Thị Thanh H, Lê Thanh H đã thành niên tự lao động nuôi sống được bản thân nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Đối với Lê Hoài T mặc dù đã thành niên, tuy nhiên Lê Hoài T bị khuyết tật nặng, không có khả năng lao động. Xét thấy hiện nay Lê Hoài T đang sống cùng anh B và anh B có nguyện vọng được nuôi dưỡng T, mặt khác chị K đồng ý giao Lê Hoài T cho anh B nuôi dưỡng. Xét việc thỏa thuận giữa anh B và chị K là hoàn toàn tự nguyện, do đó cần giao Lê Hoài T cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nhằm đảm bảo quyền lợi cho Lê Hoài Thanh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B và chị K đã hiểu về quyền, nghĩa vụ, của cha mẹ trực tiếp và không trực tiếp nuôi con nhưng anh B vẫn không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi cháu T là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Diễm K và anh Lê Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Diễm K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 15, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Diễm K và anh Lê Văn B là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Lê Diễm K và anh Lê Văn B có ba con chung tên Lê Hoài T, sinh năm 1991, Lê Thị Thanh H, sinh năm 1992, Lê Thanh H, sinh năm 1996. Hiện nay Lê Thị Thanh H, Lê Thanh H đã thành niên, tự lao động nuôi sống được bản thân nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Giao anh Lê Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục Lê Hoài T, sinh năm 1991. Ghi nhận anh Lê Văn B không yêu cầu chị Lê Diễm K cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Lê Diễm K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh Lê Văn B cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Chị Lê Diễm K không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Diễm K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0004587 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị Lê Diễm K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Lê Diễm K và anh Lê Văn B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- PKTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thanh Tuấn